

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1044/SYT-NV
V/v hướng dẫn tiêu chuẩn,
định mức giường cách ly
tại cơ sở cách ly tập trung
phòng chống dịch Covid-19

Bình Phước, ngày 01 tháng 4 năm 2020

Kính gửi:

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh.

Sở Y tế nhận được Công văn số 1769/BYT-KHTC ngày 31/3/2020 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn tiêu chuẩn, định mức giường cách ly tại cơ sở cách ly tập trung phòng chống dịch Covid-19 (có văn bản kèm theo);

Sở Y tế đề nghị Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, các cơ sở khám chữa bệnh trong tỉnh triển khai thực hiện việc cách ly tại cơ sở cách ly tập trung phòng chống dịch Covid-19 theo quy định.

Trân trọng! κ

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Giám đốc Sở;
- Các Phó Giám đốc Sở;
- Các Phòng chức năng;
- Website SYT;
- Lưu VT - NV(C 01.4).



Lê Anh Tuấn

COMMISSIONER OF REVENUE
GOVT. OF INDIA
New Delhi

Reference is made to the letter of the
Government of West Bengal dated 10/12/64
in this regard.

K. S. Srinivasan
Secretary
10/12/64

10/12/64

GOVT. OF WEST BENGAL
Department of Revenue
Calcutta

Reference is made to the letter of the
Government of India dated 10/12/64
in this regard.

K. S. Srinivasan
Secretary
10/12/64

Số: 1769 /BYT-KH-TC

V/v hướng dẫn các tiêu chuẩn, định mức
giường cách ly tại cơ sở cách ly tập
trung phòng chống dịch COVID-19

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

Thực hiện quy định tại Quyết định số 07/QĐ-BCĐQG ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch Covid-19 về việc giao chỉ tiêu kế hoạch giường cách ly và giường bệnh tại cơ sở y tế để phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (COVID-19), Bộ Y tế hướng dẫn các địa phương thực hiện như sau:

1. Mục đích:

Căn cứ tiêu chuẩn, định mức tối thiểu theo giường cách ly tập trung phòng chống dịch COVID-19 để các địa phương xây dựng phương án tổ chức cách ly và dự toán ngân sách.

2. Phạm vi áp dụng:

Áp dụng cho các cơ sở cách ly tập trung quy định tại Quyết định số 07/QĐ-BCĐQG ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch Covid-19.

3. Nguyên tắc thực hiện:

Các tiêu chuẩn, định mức và chi phí trong hướng dẫn này ở mức tối thiểu áp dụng cho tất cả các cơ sở cách ly tập trung. Tuy nhiên, tùy thuộc vào tình hình và khả năng đáp ứng của các địa phương, các tiêu chuẩn, định mức và chi phí hỗ trợ tại cơ sở cách ly tập trung có thể cao hơn so với mức tối thiểu quy định tại hướng dẫn này.

Mỗi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể có một hoặc nhiều cơ sở cách ly tập trung phòng chống dịch bệnh COVID-19.

Tại một cơ sở cách ly tập trung, tiếp nhận số lượng tối đa là 3.000 người nhằm đảm bảo công tác hậu cần và phòng tránh sự lây nhiễm chéo trong khu cách ly.

4. Căn cứ áp dụng:

- a) Luật 03/2007/QH12 Phòng, chống bệnh truyền nhiễm.
- b) Luật 68/2006/QH11 Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
- c) Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật 68/2006/QH11 Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.
- d) Quyết định số 07/QĐ-BCĐQG ngày 30 tháng 3 năm 2020 của Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban chỉ đạo quốc gia phòng chống dịch Covid-19.
- e) Thông tư 16/2014/TT-BCT của Bộ Công thương quy định về thực hiện giá bán lẻ điện cho các nhóm đối tượng khách hàng sử dụng điện và giá bán điện.
- f) Quyết định số 878/QĐ-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Hướng dẫn cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung phòng chống dịch COVID-19”.
- g) Quyết định số 904/QĐ-BYT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc Về việc ban hành “Sổ tay Hướng dẫn tổ chức thực hiện cách ly y tế vùng có dịch COVID – 19.
- h) Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN 33:2006) Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế của Bộ Xây dựng.
- i) Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4451:2012 theo Luật 68/2006/QH11 Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật.

5. Nội dung

5.1. Các tiêu chuẩn:

- Diện tích tổ chức cách ly: Số lượng giường x Khoảng cách giữa các giường cách nhau tối thiểu là 2 mét, hoặc: Giường và diện tích xung quanh đảm bảo là 4m²/người (căn cứ Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 4451:2012 theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật và điểm b) khoản 1 Điều 6 Nghị định 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho nhà ở thông thường.

- Công trình nhà tắm, nhà vệ sinh tại khu cách ly: Tốt nhất mỗi phòng cách ly có nhà vệ sinh và nhà tắm riêng, trong trường hợp phòng cách ly không có nhà vệ sinh và nhà tắm riêng thì phải bố trí khu vực vệ sinh, nhà tắm trong phân khu cách ly đảm bảo: Nam, nữ riêng, tối thiểu 10 người có 1 nhà tắm, 1 nhà vệ sinh chung.

5.2. Nhân lực phục vụ:

– Cơ cấu thành phần nhóm người phục vụ để bảo đảm hậu cần tối thiểu đối với các cơ sở cách ly tập trung, bao gồm:

i. Cán bộ quản lý phụ trách chung cơ sở cách ly, có cán bộ truyền thông, kế toán, công nghệ thông tin,

ii. Cán bộ y tế thực hiện các biện pháp quản lý, chăm sóc y tế theo Quyết định số 878/QĐ-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2020 và Quyết định số 904/QĐ-BYT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế

iii. Người phục vụ ăn, uống là những người cung cấp các bữa ăn, nước uống cho người cách ly và thu dọn dụng cụ sau mỗi bữa ăn. Nhân viên này không bao gồm nhân viên chế biến thực phẩm, nấu ăn.

iv. Người phụ trách vệ sinh thực hiện công việc thu gom rác thải, xử lý rác, khu vệ sinh, khử trùng dụng cụ, nơi công cộng, phun khử trùng, giặt là,...

v. Nhân viên hành chính, phụ trách về phục vụ nhu cầu điện, nước và vận chuyển, lái xe,...

vi. Nhân viên bảo vệ tùy thuộc vào cơ sở cách ly tình trạng tường, rào bảo vệ xung quanh, bảo đảm trực 24/24 giờ, chia thành 03 ca thay phiên nhau (8 giờ/ca).

- Nhóm nhân lực phục vụ: nhân lực được tổ chức theo nhóm; số lượng người phục vụ được tính theo hệ số của từng khu cách ly tập trung; Hệ số áp dụng cho cơ sở cách ly tập trung theo giường cách ly và số người phục vụ cách ly như sau:

STT	Chỉ tiêu giường cách ly	Hệ số	Số người phục vụ cách ly
1.	1-100	1,0	20
2.	101-500	0,8	20-80
3.	501-1.000	0,6	80-120
4.	1.001-2.000	0,5	120-200
5.	2.001-3.000	0,4	200-240

– Số lượng và cơ cấu người phục vụ cách ly, đặc biệt là số lượng cán bộ y tế phụ thuộc vào tình trạng sức khỏe của nhóm người cách ly. Nếu người bị cách ly có các bệnh, tật cấp tính, mãn tính kèm theo hoặc rối loạn tâm thần cần bổ sung cán bộ y tế chuyên khoa tương ứng tham gia nhóm nhân lực phục vụ cách ly.

5.3. Định mức tiêu thụ:

- Điện: được sử dụng tối thiểu là 1kW/1 người/1 ngày theo quy định mức tiêu thụ điện trung bình căn cứ theo Thông tư 16/2014/TT-BCT của Bộ Công thương.

- Nước sinh hoạt: được sử dụng cho tắm, gội, vệ sinh,... hàng ngày, trung bình là 300 lít/1 người/1 ngày đối với khu vực dân cư thành thị căn cứ theo Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam (TCXDVN 33:2006) Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình tiêu chuẩn thiết kế của Bộ Xây dựng.

- Nước uống: theo tiêu chuẩn được sử dụng trung bình là 2 lít/1 người/1 ngày.

- Xử lý chất thải rắn: 3 kg/1 người/1 ngày.

- Xử lý chất thải lỏng: 1m³/1 người/1 ngày.

- Dung dịch xúc miệng, họng nước muối sinh lý 9‰: 500ml/người

- Dung dịch sát trùng tay: 1 lọ 300ml/người/đợt cách ly 14 ngày

- Phun khử trùng: 1 lít hóa chất/người/đợt cách ly 14 ngày. Sử dụng các loại dung dịch khử trùng theo các quy định hiện hành của Bộ Y tế.

- Vật tư, trang thiết bị y tế

- Số lượng và danh mục vật tư, trang thiết bị y tế, phương tiện cần cho người cách ly căn cứ quy định tại Quyết định số 904/QĐ-BYT ngày 16 tháng 3 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Đối với khẩu trang, trang phục bảo hộ cá nhân cho người phục vụ cách ly:

+ Nhân viên y tế: 2 bộ trang phục bảo hộ cá nhân/người/ngày

+ Người phục vụ khác: 3 khẩu trang sử dụng 1 lần hoặc tương đương/người/ngày

- Đối với khẩu trang cho người bị cách ly: 3 khẩu trang sử dụng 1 lần hoặc tương đương/người/ngày

5.4. Nội dung chi

Căn cứ vào chế độ phòng chống dịch theo quy định của Chính phủ, các cơ sở cách ly cần lập dự toán các chi phí để chi trả cho các hoạt động như sau:

- Chi phí cho con người (cách ly, phục vụ cách ly).

- Chi công tác khám, điều trị:

+ Chi thuốc, vật tư, trang thiết bị y tế tiêu hao: theo số lượng thực và

định mức áp dụng theo chỉ tiêu giường cách ly.

+ Chi phí vật tư, dụng cụ y tế, thuốc để điều trị cho người cách ly mắc các bệnh cấp tính, mạn tính, đê, rối loạn tâm thần, các bệnh khác.

- Chi phí phục vụ sinh hoạt của khu cách ly

+ Chi phí ăn, uống cho người cách ly và người phục vụ cách ly.

+ Chi phí tiêu hao bao gồm điện, nước, vệ sinh, giặt là, xăng dầu, hóa chất khử khuẩn theo số lượng thực tế

+ Chi phí xử lý vệ sinh, xử lý chất thải, khử khuẩn theo số lượng thực tế.

- Chi phí khác như chi phí vận chuyển người cách ly đi và đến theo số lượng thực tế....

Bộ Y tế kính gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị liên quan để phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- PTTg Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);;
- Thành viên BCĐQG;
- Các Vụ, Cục: KCB, YTDP, MT, KH-TC, TT-KT;
- Sở Y tế các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, KHTC7

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Nguyễn Thanh Long

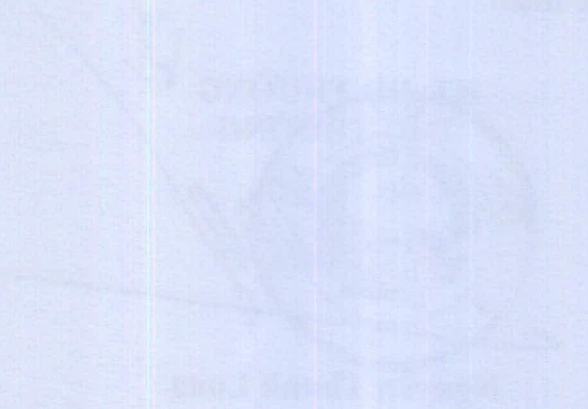
1. The first part of the report is an introduction to the project. It describes the objectives of the study and the methods used to collect data. The introduction also provides a brief overview of the results and conclusions of the study.

2. The second part of the report is a detailed description of the data collection process. This section includes information about the sample size, the data sources, and the methods used to ensure the accuracy and reliability of the data.

3. The third part of the report is a detailed analysis of the data. This section includes a description of the statistical methods used to analyze the data, as well as a discussion of the results of the analysis. The analysis shows that there is a significant relationship between the variables studied.

4. The fourth part of the report is a discussion of the implications of the findings. This section discusses the practical implications of the results and suggests areas for further research. The discussion also highlights the limitations of the study and the need for further investigation.

5. The final part of the report is a conclusion. This section summarizes the main findings of the study and provides a final statement on the overall results. The conclusion also includes a list of references and a list of appendices.



1. The first part of the report is an introduction to the project. It describes the objectives of the study and the methods used to collect data. The introduction also provides a brief overview of the results and conclusions of the study.

2. The second part of the report is a detailed description of the data collection process. This section includes information about the sample size, the data sources, and the methods used to ensure the accuracy and reliability of the data.

3. The third part of the report is a detailed analysis of the data. This section includes a description of the statistical methods used to analyze the data, as well as a discussion of the results of the analysis. The analysis shows that there is a significant relationship between the variables studied.

4. The fourth part of the report is a discussion of the implications of the findings. This section discusses the practical implications of the results and suggests areas for further research. The discussion also highlights the limitations of the study and the need for further investigation.

5. The final part of the report is a conclusion. This section summarizes the main findings of the study and provides a final statement on the overall results. The conclusion also includes a list of references and a list of appendices.